

# MARKET INSIGHTS REPORTS

06.08.2025

XU HƯỚNG TĂNG GIÁ MẠNH MẼ DÙ THI  
THOẢNG CÓ NHỮNG CÚ VẤP



# NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT  
*Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên*
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY  
*Kỳ lục mua lại cổ phiếu trong tháng 7 của TTCK Mỹ*  
*Thời gian nắm giữ cổ phiếu trên NYSE chỉ khoảng 1 năm*
- 10** TTCK MỸ  
*Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên tối nay.*

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch     | 372 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0   |
| Số cổ phiếu tăng giá           | 247 |
| Số cổ phiếu giảm giá           | 78  |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá     | 47  |

### HNX

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch     | 233 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0   |
| Số cổ phiếu tăng giá           | 118 |
| Số cổ phiếu giảm giá           | 54  |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá     | 61  |

### UPCOM

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch     | 399 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0   |
| Số cổ phiếu tăng giá           | 173 |
| Số cổ phiếu giảm giá           | 117 |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá     | 109 |

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

|                      | Mua        | Bán        | Mua-Bán   |
|----------------------|------------|------------|-----------|
| Khối lượng           | 140,418.37 | 112,398.59 | 28,019.78 |
| % KL toàn thị trường | 10.26%     | 8.22%      |           |
| Giá trị              | 5,166,174  | 4,638,639  | 527,535   |
| % GT toàn thị trường | 13.28%     | 11.92%     |           |

### HNX

|                      | Mua       | Bán      | Mua-Bán  |
|----------------------|-----------|----------|----------|
| Khối lượng           | 13,874.12 | 3,953.64 | 9,920.48 |
| % KL toàn thị trường | 10.26%    | 8.22%    |          |
| Giá trị              | 329,058   | 116,395  | 212,663  |
| % GT toàn thị trường | 11.49%    | 4.06%    |          |

### UPCOM

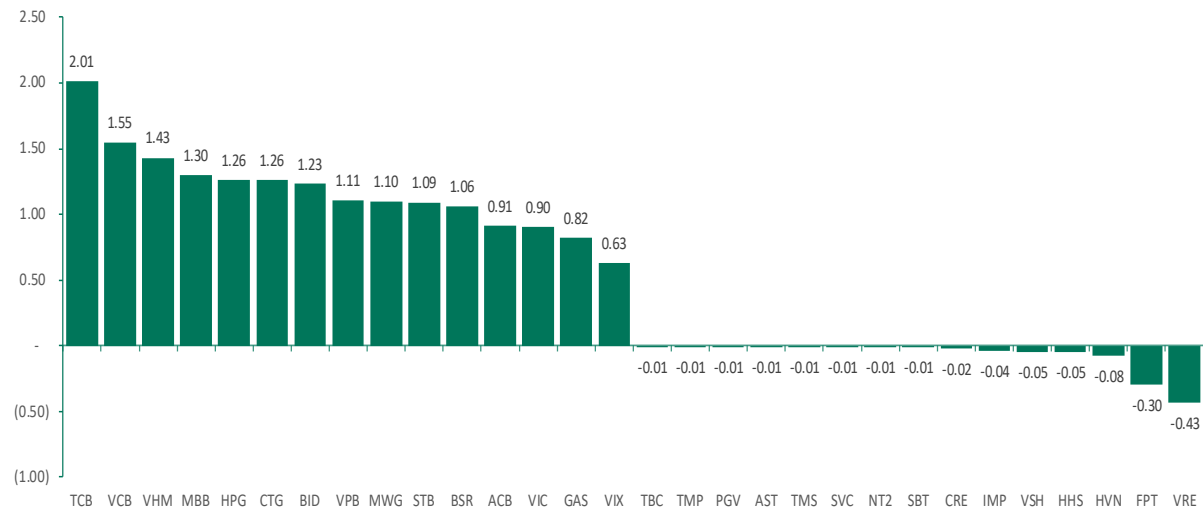
|                      | Mua      | Bán      | Mua-Bán |
|----------------------|----------|----------|---------|
| Khối lượng           | 2,075.53 | 1,272.71 | 802.82  |
| % KL toàn thị trường | 2.76%    | 1.69%    |         |
| Giá trị              | 125,797  | 113,219  | 12,578  |
| % GT toàn thị trường | 11.92%   | 10.73%   |         |

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## TOP 10 VỐN HÓA

| STT | Mã CK | KL         | Giá     | Thay đổi      | P/E   | P/B  | EPS   | Vốn hóa |
|-----|-------|------------|---------|---------------|-------|------|-------|---------|
| 1   | VCB   | 4,677,500  | 62,300  | 800 (1.3%)    | 11.33 | 2.44 | 5,501 | 520,559 |
| 2   | VIC   | 4,212,200  | 118,500 | 1,000 (0.85%) | 33.50 | 2.90 | 3,537 | 459,612 |
| 3   | VHM   | 5,504,600  | 97,500  | 1,500 (1.56%) | 13.85 | 1.74 | 7,039 | 400,473 |
| 4   | BID   | 6,984,500  | 39,500  | 750 (1.94%)   | 9.94  | 1.70 | 3,972 | 277,344 |
| 5   | TCB   | 30,371,700 | 38,200  | 1,200 (3.24%) | 12.42 | 1.67 | 3,075 | 269,877 |
| 6   | CTG   | 9,566,100  | 47,500  | 1,000 (2.15%) | 8.47  | 1.56 | 5,606 | 255,075 |
| 7   | VPB   | 28,376,400 | 27,100  | 600 (2.26%)   | 12.36 | 1.41 | 2,193 | 215,009 |
| 8   | HPG   | 96,174,200 | 27,100  | 700 (2.65%)   | 12.90 | 1.42 | 2,100 | 208,005 |
| 9   | MBB   | 30,385,100 | 30,600  | 900 (3.03%)   | 7.07  | 1.46 | 4,331 | 186,730 |
| 10  | GAS   | 1,299,600  | 69,300  | 1,500 (2.21%) | 13.39 | 2.36 | 5,177 | 162,347 |

## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

| Ngành                                               | % Index (D) | % Index (YTD) | Số mã |
|-----------------------------------------------------|-------------|---------------|-------|
| Tất cả                                              | +1.64%      | +27.17%       | 1,603 |
| ▼ Tài chính                                         | +2.16%      | +25.96%       | 103   |
| > Tổ chức tín dụng                                  | +2.14%      | +24.38%       | 29    |
| > Dịch vụ tài chính                                 | +2.37%      | +45.76%       | 61    |
| > Bảo hiểm                                          | +1.94%      | +5.98%        | 13    |
| ▶ Bất động sản                                      | +0.89%      | +79.05%       | 132   |
| ▼ Công nghiệp                                       | +0.91%      | +25.58%       | 402   |
| > Vận tải                                           | +1.13%      | +19.90%       | 117   |
| > Hàng hóa công nghiệp                              | +0.62%      | +35.95%       | 232   |
| > Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp               | +0.14%      | +46.57%       | 53    |
| ▼ Tiêu dùng thiết yếu                               | +1.35%      | -2.97%        | 169   |
| > Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                    | +1.37%      | -2.91%        | 156   |
| > Thương mại hàng thiết yếu                         | +0.31%      | 0%            | 9     |
| > Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình             | +0.17%      | +3.33%        | 4     |
| ▶ Nguyên vật liệu                                   | +1.80%      | +15.44%       | 284   |
| ▶ Tiện ích                                          | +0.82%      | +6.70%        | 154   |
| ▼ Tiêu dùng không thiết yếu                         | +1.97%      | +22.95%       | 188   |
| > Thương mại hàng không thiết yếu                   | +2.88%      | +16.14%       | 65    |
| > Dịch vụ tiêu dùng                                 | +1.03%      | +8.10%        | 37    |
| > Thời trang và hàng lâu bền                        | +1.33%      | +58.13%       | 73    |
| > Xe và linh kiện                                   | +0.28%      | -4.28%        | 13    |
| ▼ Dịch vụ truyền thông                              | +3.86%      | -15.99%       | 43    |
| > Dịch vụ viễn thông                                | +4.18%      | -17.31%       | 18    |
| > Truyền thông và giải trí                          | -0.83%      | +11.12%       | 25    |
| ▶ Năng lượng                                        | +3.92%      | -7.07%        | 53    |
| ▼ Công nghệ thông tin                               | -0.75%      | -19.70%       | 17    |
| > Phần mềm và dịch vụ                               | -0.76%      | -19.91%       | 10    |
| > Phần cứng và thiết bị                             | +0.70%      | +19.88%       | 7     |
| ▼ Chăm sóc sức khỏe                                 | +0.12%      | +2.77%        | 58    |
| > Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống | -0.04%      | +5.75%        | 47    |
| > Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe             | +1.79%      | -30.06%       | 11    |

## Xu hướng tăng giá vẫn mạnh mẽ dù thị trường có những cú vấp

### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 26.56 điểm (+ 1.72%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Dịch vụ viễn thông, năng lượng, thương mại hàng không thiết yếu, dịch vụ tài chính, tổ chức tín dụng, bảo hiểm, nguyên vật liệu, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, thời trang và hàng lâu bền, vận tải, bất động sản, tiện ích...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày.** Đã tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VGI, FOX, CTR, BSR, PLX, PVS, OIL, PVT, PVD, MWG, FRT, PNJ, DGW, PET, VIX, SSI, VCI, SHS, FTS, HCM, VCB, TCB, VPB, BID, CTG, MBB, STB, ACB, VIB, LPB, BVH, BIC, MIG, HPG, GVR, DCM, DPM, HSG, NKG, VNM, MCH, MSN, ANV, VHC, MSH, TNG, GIL, ACV, VJC, VTP, PHP, VIC, VHM, KBC, NVL, DXG, PDR, IDC, GAS, REE, POW, HDG ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

#### (i) VGI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng vẫn co hẹp cảnh báo sự biến động mạnh sắp diễn ra. Về mẫu hình của VGI vẫn là mô hình giá xuống có khả năng hình thành sóng 5 với đáy thấp hơn dù xác suất giảm giá là thấp trong bối cảnh hiện tại. Vì vậy, với chiều giá lên chúng ta cần chờ Break out với sự thay đổi cấu trúc vận động giá theo mô hình kỹ thuật;
- ✓ VGI báo lãi 2,389 tỷ trong Q2/2025 một phần nhờ lãi từ chênh lệch tỷ giá. Về khoản phải thu vốn là trọng điểm trong việc trích lập của VGI hiện công ty còn khoảng hơn 2,000 tỷ khoản phải thu chưa trích lập và chúng tôi cho rằng VGI có thể gần như hoàn nhập trích lập các khoản phải thu trong năm nay và từ năm 2026 ảnh hưởng của các khoản phải thu này sẽ chỉ là biến động nhỏ (Khoản phải thu của VGI biến thiên theo tỷ giá);
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

#### (ii) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng trên đang mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng tăng giá 3 mở rộng mục tiêu là 81 – 102;
- ✓ Chúng tôi cho rằng năm nay MWG sẽ vượt kế hoạch kinh doanh đặt ra. Ngoài ra, với việc ESOP gắn với hiệu suất sinh lợi VN-Index chúng tôi cho rằng nửa cuối năm tốc độ tăng giá của MWG sẽ dốc hơn. Theo công thức ESOP của MWG thì nếu MWG **vượt kế hoạch lợi nhuận VÀ tăng trưởng giá cổ phiếu MWG năm 2025 bằng hoặc cao hơn (mức tăng VN-Index + 5%)**: Tỷ lệ ESOP = 0,5% + C, trong đó C được tính theo công thức cụ thể (liên quan đến mức độ vượt kế hoạch lợi nhuận và mức độ vượt trội của giá cổ phiếu so với VN-Index + 5%) nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ ESOP không vượt quá 1%.
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

#### (iii) BID tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng đang mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng 3 tăng giá với mục tiêu 41 – 48;
- ✓ Hỗ trợ khi giảm giá quanh vùng giá 37;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

#### (iv) DCM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng trên đang mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng tăng giá 3 mở rộng mục tiêu là 51;
- ✓ Hỗ trợ khi giảm giá là 36;
- ✓ DCM đang hưởng lợi và tăng biên lãi gộp lên mức cao kỷ lục do 51% lượng khí mua từ PVN có giá neo theo dầu FO và 48% từ Petronas Malaysia neo theo giá dầu Brent;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

**(2) Truyền thông giải trí, phần mềm và dịch vụ, được phẩm và công nghệ sinh học...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đã giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VNZ, YEG, VNB, FPT, DHG, IMP...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

#### (i) YEG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ YEG đã cải thiện về lợi nhuận do các chương trình sản xuất ngày càng đa dạng và thu hút được giới trẻ tuy nhiên về chất lượng báo cáo tài chính, YEG chưa cải thiện quá nhiều bởi phần lớn tổng tài sản vẫn là các khoản phải thu mang tính cấu trúc và quá trình này cần thời gian dài để giải quyết sạch sẽ. Điều này cản trở mức tăng lợi nhuận quá cao của YEG và khiến cổ phiếu mang nặng tính đầu cơ;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 53%;

#### (ii) DHG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đi ngang với dải băng co hẹp;
- ✓ Thông thường trong giai đoạn sóng tăng giá, hiệu suất các cổ phiếu được thường thấp;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 65%;

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Marubozu”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm không phải là là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 595 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: STB, SHS, VIX, VPB, SSI, MWG, DCM, VSC, HCM, DPM... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, KDH, VCI, MSN, FUEVFN30, CII, E1VFN30, HAX, VRE, HHS... Hôm nay, tự doanh, các NĐT tổ chức, NĐT cá nhân đều bán ròng và NĐT đóng vai trò bên mua ròng.

(ii) VN-Index đã tăng điểm trở lại và phiên giao dịch hôm nay tốt hơn kỳ vọng của chúng tôi và đa số NĐT. Với phiên tăng điểm, dải băng trên bắt đầu mở ra và giá bám biên dải băng trên và đây thường là tín hiệu kỹ thuật tích cực. Như đã chia sẻ, trong giai đoạn này các cú chỉnh nếu có chỉ là khoảng lặng nhỏ của thị trường. Chúng tôi không cho rằng đây là khu vực phân phối đỉnh dù khối lượng giao dịch đã có những phiên thiết lập kỷ lục lớn. Dưới góc độ chúng tôi, NĐT chỉ cần giữ một trạng thái sức mua nhất định tại những khu vực nhạy cảm chờ chỉnh chứ không phải là giai đoạn hạ tỷ trọng bằng mọi giá.

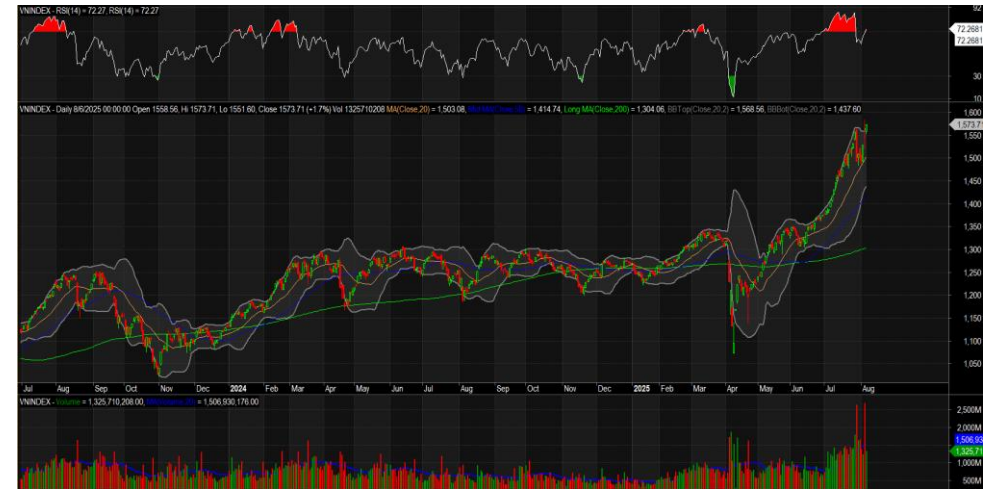
Các cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh trong phiên hôm nay là VGI, BSR, ACV, DGW, DCM, NDN, G36, CTX...

Các cổ phiếu mua tích lũy trong phiên hôm nay là VEA, PLX, DGC, QTP, DPR, BAF, GMD, BID, REE, HNG, VHC...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 17 mã cho tín hiệu mua, 05 mã cho tín hiệu bán, 08 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã VPB, TCB, STB, GVR, MWG, LPB... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 64.7% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,470 điểm và kháng cự là 1,600 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index



## Biểu đồ cổ MWG



## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

| Ticker   | Pivot   | BC      | TC      | NarrowRange | R1      | R2      | R3      | R4      | S1      | S2      | S3      | S4      |
|----------|---------|---------|---------|-------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| HNX30    | 581.62  | 580.28  | 582.95  | NO          | 587.77  | 591.25  | 597.4   | 600.88  | 578.14  | 571.99  | 568.51  | 562.36  |
| HNXINDEX | 267.86  | 267.46  | 268.26  | NO          | 269.46  | 270.25  | 271.85  | 272.64  | 267.07  | 265.47  | 264.68  | 263.08  |
| UPINDEX  | 107.52  | 107.55  | 107.49  | YES         | 108.01  | 108.56  | 109.05  | 109.6   | 106.97  | 106.48  | 105.93  | 105.44  |
| VN30     | 1715.11 | 1711.01 | 1719.21 | NO          | 1734.78 | 1746.26 | 1765.93 | 1777.41 | 1703.63 | 1683.96 | 1672.48 | 1652.81 |
| VNINDEX  | 1566.34 | 1562.66 | 1570.02 | NO          | 1581.08 | 1588.45 | 1603.19 | 1610.56 | 1558.97 | 1544.23 | 1536.86 | 1522.12 |
| VNXALL   | 2657.85 | 2649.96 | 2665.74 | NO          | 2690.48 | 2707.32 | 2739.95 | 2756.79 | 2641.01 | 2608.38 | 2591.54 | 2558.91 |
| VN30FIM  | 1709.33 | 1704.25 | 1714.42 | NO          | 1738.17 | 1756.83 | 1785.67 | 1804.33 | 1690.67 | 1661.83 | 1643.17 | 1614.33 |
| VN30FIQ  | 1693    | 1684    | 1702    | NO          | 1729    | 1747    | 1783    | 1801    | 1675    | 1639    | 1621    | 1585    |
| VN30F2M  | 1703.5  | 1697.75 | 1709.25 | NO          | 1731.4  | 1747.8  | 1775.7  | 1792.1  | 1687.1  | 1659.2  | 1642.8  | 1614.9  |
| VN30F2Q  | 1694.53 | 1691    | 1698.07 | NO          | 1722.07 | 1742.53 | 1770.07 | 1790.53 | 1674.07 | 1646.53 | 1626.07 | 1598.53 |
| BCM      | 69.27   | 69.05   | 69.48   | NO          | 70.13   | 70.57   | 71.43   | 71.87   | 68.83   | 67.97   | 67.53   | 66.67   |
| ACB      | 24.1    | 24.05   | 24.15   | NO          | 24.5    | 24.8    | 25.2    | 25.5    | 23.8    | 23.4    | 23.1    | 22.7    |
| BID      | 39.45   | 39.43   | 39.47   | YES         | 39.95   | 40.4    | 40.9    | 41.35   | 39      | 38.5    | 38.05   | 37.55   |
| BVH      | 50.73   | 50.5    | 50.97   | NO          | 51.67   | 52.13   | 53.07   | 53.53   | 50.27   | 49.33   | 48.87   | 47.93   |
| CTG      | 47.27   | 47.15   | 47.38   | NO          | 47.98   | 48.47   | 49.18   | 49.67   | 46.78   | 46.07   | 45.58   | 44.87   |
| GAS      | 68.8    | 68.55   | 69.05   | NO          | 69.8    | 70.3    | 71.3    | 71.8    | 68.3    | 67.3    | 66.8    | 65.8    |
| GVR      | 30.15   | 30.1    | 30.2    | NO          | 30.5    | 30.75   | 31.1    | 31.35   | 29.9    | 29.55   | 29.3    | 28.95   |
| FPT      | 105.2   | 105.35  | 105.05  | NO          | 105.9   | 106.9   | 107.6   | 108.6   | 104.2   | 103.5   | 102.5   | 101.8   |
| HDB      | 28.28   | 28.3    | 28.27   | YES         | 28.57   | 28.88   | 29.17   | 29.48   | 27.97   | 27.68   | 27.37   | 27.08   |
| HPG      | 27.15   | 27.17   | 27.13   | YES         | 27.65   | 28.2    | 28.7    | 29.25   | 26.6    | 26.1    | 25.55   | 25.05   |
| LPB      | 35.9    | 35.8    | 36      | NO          | 36.3    | 36.5    | 36.9    | 37.1    | 35.7    | 35.3    | 35.1    | 34.7    |
| MBB      | 30.58   | 30.58   | 30.59   | YES         | 30.97   | 31.33   | 31.72   | 32.08   | 30.22   | 29.83   | 29.47   | 29.08   |
| MSN      | 76      | 76      | 76      | YES         | 76.8    | 77.6    | 78.4    | 79.2    | 75.2    | 74.4    | 73.6    | 72.8    |
| MWG      | 71.1    | 70.45   | 71.75   | NO          | 73.7    | 75      | 77.6    | 78.9    | 69.8    | 67.2    | 65.9    | 63.3    |
| PLX      | 37.25   | 37.15   | 37.35   | NO          | 37.8    | 38.15   | 38.7    | 39.05   | 36.9    | 36.35   | 36      | 35.45   |
| SAB      | 47.77   | 47.75   | 47.78   | YES         | 48.18   | 48.57   | 48.98   | 49.37   | 47.38   | 46.97   | 46.58   | 46.17   |
| SSB      | 20.07   | 20.1    | 20.03   | NO          | 20.43   | 20.87   | 21.23   | 21.67   | 19.63   | 19.27   | 18.83   | 18.47   |
| SHB      | 18.73   | 18.73   | 18.74   | YES         | 19.12   | 19.48   | 19.87   | 20.23   | 18.37   | 17.98   | 17.62   | 17.23   |
| SSI      | 35      | 34.85   | 35.15   | NO          | 35.6    | 35.9    | 36.5    | 36.8    | 34.7    | 34.1    | 33.8    | 33.2    |
| TCB      | 38.13   | 38.1    | 38.17   | YES         | 39.07   | 39.93   | 40.87   | 41.73   | 37.27   | 36.33   | 35.47   | 34.53   |
| STB      | 53.47   | 53.15   | 53.78   | NO          | 54.73   | 55.37   | 56.63   | 57.27   | 52.83   | 51.57   | 50.93   | 49.67   |
| TPB      | 18.27   | 18.3    | 18.23   | NO          | 18.73   | 19.27   | 19.73   | 20.27   | 17.73   | 17.27   | 16.73   | 16.27   |
| VCB      | 62.33   | 62.35   | 62.32   | YES         | 62.77   | 63.23   | 63.67   | 64.13   | 61.87   | 61.43   | 60.97   | 60.53   |
| VHM      | 96.1    | 95.4    | 96.8    | NO          | 99      | 100.5   | 103.4   | 104.9   | 94.6    | 91.7    | 90.2    | 87.3    |
| VIB      | 19.47   | 19.45   | 19.48   | YES         | 19.63   | 19.77   | 19.93   | 20.07   | 19.33   | 19.17   | 19.03   | 18.87   |
| VJC      | 127.93  | 127.4   | 128.47  | NO          | 130.57  | 132.13  | 134.77  | 136.33  | 126.37  | 123.73  | 122.17  | 119.53  |
| VIC      | 117.83  | 117.5   | 118.17  | NO          | 120.67  | 122.83  | 125.67  | 127.83  | 115.67  | 112.83  | 110.67  | 107.83  |
| VPB      | 26.83   | 26.7    | 26.97   | NO          | 27.37   | 27.63   | 28.17   | 28.43   | 26.57   | 26.03   | 25.77   | 25.23   |
| VNM      | 61.13   | 61.05   | 61.22   | NO          | 61.87   | 62.43   | 63.17   | 63.73   | 60.57   | 59.83   | 59.27   | 58.53   |
| VRE      | 30.28   | 30.38   | 30.19   | NO          | 30.72   | 31.33   | 31.77   | 32.38   | 29.67   | 29.23   | 28.62   | 28.18   |

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

| Ticker  | Volume         | AvgVolume 10 Days | Change %       | Daily Returns % |
|---------|----------------|-------------------|----------------|-----------------|
| DCM     | 15,490,000     | 7,628,910         | 203            | 6.94            |
| E1VFN30 | 1,743,600      | 602,560           | 289            | 1.07            |
| MZG     | 1,006,200      | 421,140           | 239            | 2.65            |
| BCC     | <b>969,700</b> | <b>295,720</b>    | <b>327.91</b>  | <b>5.75</b>     |
| SHN     | 454,900        | 162,780           | 279            | 4.92            |
| PSB     | 380,900        | 97,160            | 392            | 4.44            |
| MFS     | <b>299,400</b> | <b>100,960</b>    | <b>296.55</b>  | <b>4.98</b>     |
| ITD     | 272,700        | 109,610           | 249            | 5.57            |
| SRB     | 192,200        | 31,900            | 603            | 0               |
| DDB     | <b>142,300</b> | <b>46,200</b>     | <b>308.01</b>  | <b>-0.79</b>    |
| THM     | 142,000        | 20,660            | 687            | -1.32           |
| VCR     | 124,900        | 11,200            | 1,115          | 2.25            |
| HU3     | 99,900         | 15,080            | 662            | 0               |
| CDR     | 98,000         | 21,120            | 464            | -15.74          |
| PRT     | <b>89,800</b>  | <b>25,380</b>     | <b>353.82</b>  | <b>5</b>        |
| VTV     | 88,100         | 40,690            | 217            | 0               |
| VNP     | 65,000         | 23,970            | 271            | -1.4            |
| DHB     | 52,100         | 22,000            | 237            | 2.17            |
| MCF     | 50,100         | 6,020             | 832            | -1.32           |
| SB1     | <b>42,200</b>  | <b>9,790</b>      | <b>431.05</b>  | <b>-3.85</b>    |
| SBD     | 42,000         | 17,270            | 243            | 0               |
| HIG     | 41,900         | 18,280            | 229            | -5              |
| ICF     | 41,300         | 7,170             | 576            | 9.68            |
| VHD     | 41,000         | 16,910            | 242            | 12.5            |
| MBT     | <b>34,300</b>  | <b>3,410</b>      | <b>1005.87</b> | <b>-0.71</b>    |
| SD2     | 30,400         | 8,180             | 372            | 2.5             |
| MAC     | 28,000         | 5,390             | 519            | -9.48           |
| SPM     | 25,100         | 2,530             | 992            | 1.9             |
| VNY     | 24,000         | 940               | 2,553          | 0               |
| QNC     | 21,200         | 5,730             | 370            | 3.33            |
| BWS     | 20,300         | 6,440             | 315            | 0               |
| TXM     | 19,400         | 4,200             | 462            | 2.17            |
| CC1     | 19,300         | 5,820             | 332            | -5.86           |
| SBV     | 16,200         | 3,110             | 521            | -6.98           |
| PJT     | 15,900         | 7,800             | 204            | 0.32            |
| TTL     | 14,900         | 2,150             | 693            | -3.8            |
| VNI     | 13,700         | 6,690             | 205            | 4.44            |
| BSQ     | 13,600         | 1,150             | 1,183          | -4.76           |
| HAN     | 11,100         | 5,130             | 216            | 2               |
| PNP     | 10,900         | 1,770             | 616            | 4.15            |

- Lưu ý: DCM, ITD...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

| Ngày khuyến nghị | Mã CK | Khuyến nghị hành động | Giá mua/bán | Hiệu suất sinh lời | Ghi chú                                                             |
|------------------|-------|-----------------------|-------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 6-Aug            | MWG   | Mua thêm              | $\leq 80$   | 10% -20%           | Sóng 3 tăng giá đang hình thành và thường là sóng tăng giá dài nhất |
| 6-Aug            | CMX   | Mua                   | $\leq 8$    | 10% -20%           | Buy Kumo Break out - Cổ phiếu có tính đầu cơ cao                    |
| 6-Aug            | VHC   | Mua                   | $\leq 61$   | 10% -20%           | Buy Kumo Break out - Cổ phiếu cải thiện biên lãi gộp mạnh mẽ        |

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 03 CỔ PHIẾU MỚI**;

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 05/08, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.219 VND/USD, giảm mạnh 21 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 24.009 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.429 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.245 VND/USD, tăng trở lại 53 đồng so với phiên 04/08. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 10 đồng ở chiều mua vào trong khi giữ nguyên ở chiều bán ra, giao dịch tại 26.420 VND/USD và 26.480 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 05/08, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,08 – 0,22 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 5,52%; 1W 5,54%; 2W 5,52% và 1M 5,38%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi giữ nguyên ở các kỳ hạn 2W và 1M, giao dịch tại: ON 4,30%; 1W 4,36%; 2W 4,40%, 1M 4,43%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm nhẹ ở kỳ hạn 15Y, chốt phiên ở mức: 3Y 2,47%; 5Y 2,76%; 7Y 3,07%; 10Y 3,34%; 15Y 3,44%.
- Nghị quyết thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày; 15.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày; 10.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày và 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 9.151,23 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 8.953,06 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày, 1.892,63 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 28 ngày, kỳ hạn 91 ngày không có khối lượng trúng thầu. Có 22.865,40 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua NHNN hút ròng 2.868,48 tỷ đồng từ thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Có 212.961,57 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

## Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng  $\frac{1}{2}$  mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

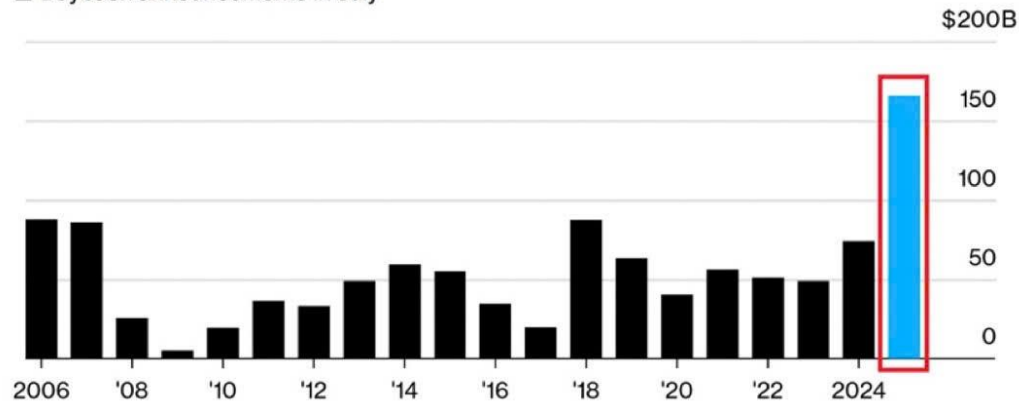


## Kỷ lục mua lại cổ phiếu trong tháng 7 của TTCK Mỹ

### Corporate America's Buybacks Reach July Record

Announced buybacks see highest dollar volume for July at \$166B

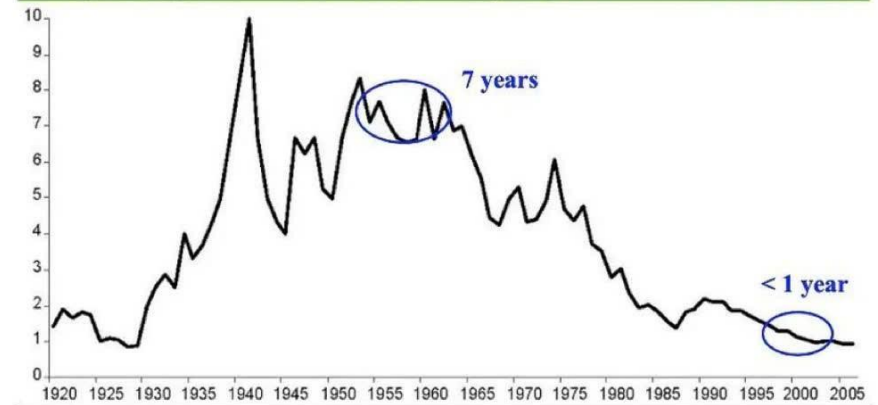
■ Buyback announcements in July



Source: Birinyi Associates

## Thời gian nắm giữ cổ phiếu trên NYSE chỉ khoảng 1 năm

Average holding period for a stock on the NYSE (years)



Source: Dresdner Kleinwort Macro research

Hiệu suất sinh lợi của AAPL đang ngày càng kém so với Nasdaq



NVIDIA sẽ vận động theo mô hình 5 sóng tăng giá như hình ?



RDDT với mô hình chiếc cốc – Giá liên tục bứt phá



Các mẫu hình Rising Wedge vẫn cho thấy nguy cơ điều chỉnh theo mùa của S&P 500



**Kết luận:** Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên tối nay.

(\*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



## CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)

Mở tài khoản ngay

